

HỆ THỐNG BẢO LÃNH VIỆN PHÍ

Bệnh viện	Địa chỉ	Số điện thoại
BẢO LÃNH NỘI TRÚ DO ỐM BỆNH		
Tại Hà Nội		
BV Việt Pháp HN	Số 01 Phương Mai, Q. Đống Đa, HN	02435771100
BV Quốc tế Vinmec	458 Minh Khai, HN	02439753556
BV Hữu Nghị Việt Đức - khoa tự nguyện IC	Số 40 Tràng Thi, Q. Hoàn Kiếm	02438289402
BV Đa khoa Trí Đức	Số 219 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, HN	02439429999
BV Bưu điện HN	Số 48 Trần Diên, Hoàng Mai, HN	02436401888
BV nhiệt đới trung ương	Số 78, đường Giải Phóng, HN	02435764305
BV Phụ sản An Thịnh	Số 496 Phố Bạch Mai, HN	02462504455
BV Đa khoa Thu Cúc	286 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN	0243835 5555
BV Hồng Ngọc	55 Yên Ninh, Ba Đình, HN	02437161239
BV Đa khoa Tâm Anh	30A Lý Nam Đế, HN	024 3872 3872
Tại Tp. Hồ Chí Minh		
BV An Sinh	10 Trần Huy Liệu, P12, Phú Nhuận	02838457777
BV Pháp Việt	Số 6 Nguyễn Lương Bằng, Q.7	02834113333
BV Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	15-16 Phan Văn Trị, Gò Vấp, Q. BT	02839894989
BV Triều An	Số 425 Kim Dương Vương	02837508888
BV Hoàn Mỹ Premier	60-60A Phan Xích Long, P1,Q. PN	028 3995 9868
BV Phụ sản Mê Kông	243 A Hoàng Văn Thụ	02838442986
BV tai mũi họng SG	1-3 Trính Văn Cẩn, P. Cầu Ông	02838213456
Bệnh viện Từ Dũ	284 Cống Quỳnh, Quận 1	02854042829
Tại Cần Thơ		
BV Hoàn Mỹ Cửu Long	Lô 20 Quang Trung, Phú Thứ, Cái Răng	02929917901
Tại Đà Nẵng		
BV Hoàn Mỹ Đà Nẵng	161 Nguyễn Văn Linh, Thanh Khê	02363650676
Tại Bình Dương		
BV Columbia Asia Bình Dương	Lot 178 Thôn Hoa Lan, Thuận Giao, Thuận An, BD	02743819933
BẢO LÃNH RẰNG		
Tại Hà Nội		
Nha Khoa Nguyễn Du	Số 2-4 Nguyễn Du, Hoàn Kiếm, HN	02439432658
Nha khoa Úc Châu	03 Nguyễn Du, HBT, HN	02439445 216
Phòng khám Medelab	66-68 Nguyễn Lương Bằng, HN	0243943 2658
Bệnh viện Trí Đức	219 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, HN	0249429999
BV Đa khoa Thu Cúc	286 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN	024383 5555
Nha khoa Lê Hưng	Tầng 2, 214 Nguyễn Lương Bằng, HN	024353 3014
Nha khoa OZ	11/38 Phương Mai, HN	02462942675
Tại Tp. Hồ Chí Minh		
Nha khoa Nhật Nam	332, Phan Đình Phùng	02839702206
Nha khoa Song Phát	168 Phan Đăng Lưu	02839958149
Nha khoa Nhật Tân	10 Lam Sơn, KP3, Thủ Đức	02837202844
Nha khoa Xanh Pon	50 Nguyễn Thị Minh Khai	02838404707
Nha khoa Sakura	69 Lê Văn Thiêm	02854156868
BV ĐKQT Vinmec Central Park	720A Điện Biên Phủ, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP HCM	02836221166
NK Kỹ thuật cao Âu Mỹ	113 -115 Đinh Tiên Hoàng	02838202039
Nha khoa Saído	99 Trần Huy Liệu	02839975654

* Danh sách Bảo lãnh viện phí đầy đủ được cập nhật tại website www.pti.com.vn



BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE

PHÚC AN SINH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Trụ sở: Tầng 8, số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

T 0243 772 4466 | F 0243 772 4460

www.pti.com.vn

BẢO LÃNH VIỆN PHÍ

(Áp dụng khi điều trị nội trú do ốm bệnh và điều trị răng tại các cơ sở y tế thuộc hệ thống bảo lãnh viện phí của PTI)

Trước khi nhập viện, NDBH xuất trình thẻ bảo hiểm và giấy khai sinh/CMTND. Trước khi xuất viện NDBH ký tên trên các chứng từ điều trị; thanh toán các chi phí vượt quá hoặc không thuộc phạm vi bảo hiểm.

Lưu ý:

- Chi bảo lãnh chi phí y tế phát sinh khi điều trị nội trú. Quyền lợi "Trợ cấp" trong thời gian nằm viện và "Chi phí trước khi nhập viện, sau xuất viện" không được bảo lãnh. Khách hàng nộp lại Giấy ra viện và chứng từ trước khi nhập viện, sau xuất viện cho PTI để làm thủ tục bồi thường.
- Chi bảo lãnh trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6.

THANH TOÁN TRƯỚC - BỒI THƯỜNG SAU

a. Lưu ý chung

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày điều trị cuối cùng, NDBH hoặc người thừa kế hợp pháp phải có trách nhiệm thông báo cho PTI biết;
- Nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường cho PTI trong vòng 180 ngày kể từ ngày tai nạn, ngày đi khám ngoại trú, ngày ra viện hoặc ngày tử vong;
- Tất cả hồ sơ yêu cầu bồi thường phải kèm theo Giấy yêu cầu bồi thường được kê khai theo mẫu của PTI và chữ ký của NDBH;
- Chứng từ thanh toán (biên lai, hóa đơn tài chính,...) phải là bản gốc;
- Chứng từ y tế có thể nộp bản sao nhưng phải có sao y của cơ quan có thẩm quyền hoặc Chủ hợp đồng bảo hiểm, PTI có quyền yêu cầu kiểm tra bản gốc nếu cần thiết;
- Biên lai/hóa đơn bán lẻ giá trị trên 200.000đ cần có hóa đơn tài chính (PTI chỉ thanh toán tối đa 200.000đ cho biên lai và hóa đơn bán lẻ).

b. Các chứng từ y tế cần thiết để làm thủ tục bồi thường

Điều trị nội trú ngoài hệ thống bảo lãnh:

- Chi phí trước khi nhập viện; Chỉ định, kết quả (nếu có) và hóa đơn (có bảng kê chi tiết cho hóa đơn), chi phí xét nghiệm, siêu âm, chụp X-quang;
- Điều trị nội trú: Giấy ra viện, giấy chứng nhận phẫu thuật (nếu phẫu thuật), hóa đơn cho các chi phí điều trị trong thời gian nằm viện, bảng kê chi tiết các chi phí nếu hóa đơn ghi gộp (tiền giường, thuốc, chụp chiếu,...);
- Điều trị sau xuất viện theo chỉ định của bác sĩ ghi trên Giấy ra viện/đơn thuốc kê khi xuất viện. Chỉ định tái khám, xét nghiệm sau xuất viện; đơn thuốc điều trị; hóa đơn cho các chi phí;
- Y tá chăm sóc tại nhà: Chỉ định của bác sĩ; Biên lai/hóa đơn tài chính; Bản sao bảng cấp của y tá;
- Chi phí dịch vụ xe cấp cứu; Biên lai/hóa đơn tài chính; Chứng từ điều trị tại phòng cấp cứu.

Điều trị ngoại trú bao gồm cả chăm sóc răng ngoài hệ thống bảo lãnh:

- Số khám/Phiếu khám (ghi rõ cơ sở y tế, ngày khám, chẩn đoán, phác đồ điều trị, chữ ký trực tiếp của bác sĩ, dấu của cơ sở y tế);
- Chỉ định & kết quả xét nghiệm, siêu âm, chụp X-quang...(nếu bác sĩ chỉ định);
- Đơn thuốc (ghi rõ tên, số lượng thuốc, liều dùng, chữ ký trực tiếp của bác sĩ, dấu của cơ sở y tế);
- Hóa đơn tiền khám, chi phí chụp, xét nghiệm, siêu âm,.../ghi chi tiết cho từng chi phí. Nếu hóa đơn ghi tổng thì cần yêu cầu cung cấp bảng kê chi tiết; hóa đơn tiền thuốc (liệt kê tên thuốc, số lượng theo đúng đơn thuốc, đơn giá, thành tiền của từng loại thuốc, dấu của cơ sở bán thuốc).

Tai nạn:

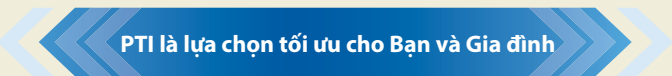
Ngoài các chứng từ, giấy tờ như phần nội trú/ngoại trú cần cung cấp thêm:

- Tai nạn lao động: Bản tường trình tai nạn có xác nhận của chủ sử dụng lao động;
- Tai nạn sinh hoạt: Bản tường trình tai nạn của người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng;
- Tai nạn giao thông, tai nạn có công an hay chính quyền địa phương tham gia: Biên lai tai nạn xác nhận bởi công an/chính quyền địa phương. Bản sao (2 mặt) bằng lái, giấy đăng ký lái xe với tai nạn giao thông.

* Trường hợp tử vong: Giấy chứng tử và giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp kèm bộ chứng từ điều trị.

Thấu hiểu được mối quan tâm về sức khỏe của bạn, PTI xây dựng chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe Phúc An Sinh dành cho cá nhân nhằm:

- Đáp ứng được mong muốn cấp thiết khi khám chữa bệnh: được lựa chọn Cơ sở Khám chữa bệnh, phòng bệnh, giường bệnh; được chăm sóc chu đáo; được điều trị tại Bệnh viện có cơ sở vật chất và chất lượng dịch vụ hàng đầu
- Khắc phục được những điểm hạn chế của BHYT: không theo hạng mục, không theo tuyến, không trả theo tỷ lệ
- Giải pháp đảm bảo tài chính: chi trả toàn bộ chi phí điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm.



Công ty bảo hiểm TOP 3 thị trường bảo hiểm

Mạng lưới Bảo lãnh viện phí rộng khắp cả nước

Thời gian giải quyết bồi thường nhanh chóng trong vòng 10 NGÀY làm việc

Đường dây nóng tư vấn 24/7: 1900.54.54.75

TƯ VẤN BÁN HÀNG

Họ tên:

Số điện thoại:

Email:

PHÍ BẢO HIỂM

A. QUYỀN LỢI CHÍNH

I. BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN

Đơn vị tính: VND

Độ tuổi	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		50,000,000	100,000,000
Từ đủ 03 - 16 tuổi	250,000	473,000	754,000
Từ đủ 17 - 65 tuổi	250,000	450,000	685,000

II. BẢO HIỂM NỘI TRÚ

Đơn vị tính: VND

Độ tuổi	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		200,000,000	350,000,000
Từ đủ 03 - 05 tuổi	1,966,000	2,948,000	4,000,000
Từ đủ 05 - 15 tuổi	1,512,000	2,268,000	3,024,000
Từ đủ 16 - 45 tuổi	1,430,000	2,146,000	2,861,000
Từ đủ 46 - 65 tuổi	1,577,000	2,365,000	3,154,000

B- QUYỀN LỢI BỔ SUNG (chỉ được lựa chọn khi tham gia Bảo hiểm nội trú)

I. ĐIỀU TRỊ NGOÀI TRÚ DO ỐM, BỆNH

Đơn vị tính: VND

Số tiền bảo hiểm/ người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		5,000,000	7,000,000
Từ đủ 03 - 05 tuổi	1,502,000	2,293,000	4,000,000
Từ đủ 05 - 15 tuổi	1,155,000	1,764,000	2,940,000
Từ đủ 16 - 45 tuổi	1,093,000	1,669,000	2,781,000
Từ đủ 46 - 65 tuổi	1,205,000	1,840,000	3,066,000

II. CHĂM SÓC RĂNG

Đơn vị tính: VND

Số tiền bảo hiểm/ người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		3,000,000	5,000,000
Từ đủ 03 - 15 tuổi	900,000	1,500,000	2,100,000
Từ đủ 16 - 35 tuổi	750,000	1,250,000	1,750,000
Từ đủ 36 - 65 tuổi	975,000	1,625,000	2,275,000

III. THAI SẢN VÀ SINH ĐẼ

Đơn vị tính: VND

Số tiền bảo hiểm/ người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		3,000,000	7,000,000
Phí bảo hiểm/người	585,000	1,365,000	2,250,000

IV. TỬ VONG, THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN DO ỐM BỆNH

Đơn vị tính: VND

Số tiền bảo hiểm/ người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		20,000,000	30,000,000
Từ đủ 03 - hết 05 tuổi	75,000	113,000	Không bảo hiểm
Từ đủ 05 - hết 40 tuổi	58,000	87,000	116,000
Từ đủ 41 - hết 60 tuổi	80,000	120,000	160,000
Từ đủ 60 - hết 65 tuổi	90,000	135,000	180,000

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

A. QUYỀN LỢI CHÍNH

I. BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN

Đơn vị tính: VND

Số tiền bảo hiểm/người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		50,000,000	100,000,000
Tử vong do tai nạn	50,000,000	100,000,000	200,000,000
Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	50,000,000	100,000,000	200,000,000
Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Chi trả theo tỷ lệ % quy định tại Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật Tối đa đến số tiền bảo hiểm		
Chi phí điều trị thương tật do tai nạn	10,000,000	20,000,000	30,000,000

II. BẢO HIỂM NỘI TRÚ

Đơn vị tính: VND

1. Số tiền bảo hiểm/người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		200,000,000	350,000,000
• Chi phí nằm viện	60,000,000/năm	100,000,000/năm	200,000,000/năm
• Chi phí phòng bệnh, chi phí y tế	3,000,000/ngày	5,000,000/ngày	10,000,000/ngày
2. Chi phí phẫu thuật/ năm. Loại trừ chi phí cấy ghép nội tạng:	60,000,000/năm	100,000,000/năm	200,000,000/năm
- Phẫu thuật nội trú/năm	60,000,000	100,000,000	200,000,000
- Phẫu thuật trong ngày/năm	30,000,000	50,000,000	100,000,000
- Thủ thuật điều trị/năm			
- Phẫu thuật ngoại trú/ lần	1,500,000	2,500,000	5,000,000
3. Chi phí cấy ghép nội tạng/ năm (Bao gồm chi phí phẫu thuật). Loại trừ chi phí liên quan để có nội tạng và các chi phí phát sinh từ người cho nội tạng.	80,000,000	150,000,000	250,000,000
4. Chi phí trước khi nhập viện. Tối đa 30 ngày ngay trước ngày nhập viện/ năm	4,000,000	7,000,000	10,000,000
5. Chi phí điều trị sau khi xuất viện. Tối đa 45 ngày ngay sau ngày xuất viện/ năm			
6. Chi phí y tá chăm sóc tại nhà sau khi xuất viện/ năm. Tối đa 15 ngày/ năm	2,000,000	3,000,000	4,000,000
7. Trợ cấp ngày nằm viện/ ngày. Tối đa: 20 ngày/ năm.	60,000	100,000	200,000
8. Chi phí vận chuyển	60,000,000	100,000,000	200,000,000
- Vận chuyển cấp cứu bằng xe 115, dịch vụ xe cấp cứu của bệnh viện (không bao gồm vận chuyển bằng đường hàng không)	60,000,000	100,000,000	200,000,000
- Chi phí vận chuyển cấp cứu bằng taxi/ năm	150,000	250,000	500,000
- Chi phí vận chuyển trong trường hợp chuyển tuyến điều trị/ năm	1,000,000	2,000,000	5,000,000
9. Chi phí mai táng/ năm (trong trường hợp tử vong tại bệnh viện)	2,000,000	3,000,000	4,000,000

B- QUYỀN LỢI BỔ SUNG (chỉ được lựa chọn khi tham gia Bảo hiểm nội trú)

I. ĐIỀU TRỊ NGOÀI TRÚ DO ỐM, BỆNH

Đơn vị tính: VND

Số tiền bảo hiểm/người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		5,000,000	7,000,000
Giới hạn số lần khám/năm	10	10	10
Giới hạn cho 1 lần điều trị	500,000	700,000	1,000,000

II. CHĂM SÓC RĂNG

Đơn vị tính: VND

Số tiền bảo hiểm/người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		3,000,000	5,000,000
Người được bảo hiểm tự thanh toán (%)	20	20	20
Khám, trám răng, điều trị tủy, nhổ răng bệnh lý	3,000,000	5,000,000	7,000,000
Lấy cao răng & đánh bóng	100,000	200,000	400,000

III. THAI SẢN VÀ SINH ĐẼ

Đơn vị tính: VND

Số tiền bảo hiểm/người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		3,000,000	7,000,000
Người được bảo hiểm tự thanh toán (%)	0	0	30
Sinh thường, sinh mổ, biến chứng thai sản	3,000,000	7,000,000	15,000,000
Chăm sóc trẻ mới sinh	100,000	200,000	300,000

IV. TỬ VONG, THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN DO ỐM BỆNH

Đơn vị tính: VND

Số tiền bảo hiểm/người/năm	Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3
		20,000,000	30,000,000
Tử vong/thương tật vĩnh viễn	20,000,000	30,000,000	40,000,000

ĐIỀU KIỆN BẢO HIỂM

- Từ đủ 03 tuổi đến 65 tuổi, trẻ em từ 3-5 tuổi phải tham gia cùng bố và/hoặc mẹ;
- Không mắc các bệnh tâm thần, bệnh phong, ung thư;
- Không bị thương tật trên 50% trở lên;
- Không bị động kinh (áp dụng đối với chương trình bảo hiểm tai nạn).

THỜI GIAN CHỜ

Ốm đau, bệnh tật thông thường	30 ngày
Điều trị bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn	365 ngày
Biến chứng thai sản	90 ngày
Sinh đẻ	365 ngày
Tử vong/thương tật vĩnh viễn do bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn	365 ngày

*** Bệnh có sẵn:** Là bệnh tật hay thương tật có từ trước Ngày bắt đầu bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm hoặc Sửa đổi bổ sung và là bệnh tật/ thương tật mà người được bảo hiểm:

a) Đã phải điều trị trong 3 năm gần đây;

b) Nhận biết triệu chứng bệnh tật/thương tật đó hoặc nhận biết bệnh tật/thương tật đó đã tồn tại trước Ngày bắt đầu bảo hiểm cho dù Người được bảo hiểm có thực sự khám, điều trị hay không.

Các bệnh mãn (mạn tính) đã có triệu chứng hoặc đã được điều trị trước khi tham gia bảo hiểm lần đầu mà sau thời điểm được bảo hiểm thấy xuất hiện lại bệnh này thì được coi là bệnh có sẵn.

**** Bệnh đặc biệt:** Là những bệnh ung thư, u các loại, huyết áp, các bệnh về tim, loét dạ dày, viêm đa khớp mãn tính, viêm Amidan quá phát, viêm VA quá phát, Parkinson, loét ruột, viêm gan, viêm màng trong dạ con, trĩ, sỏi trong hệ thống tiết niệu và đường mật, đục thủy tinh thể (đục nhân mắt), bệnh tiểu đường, viêm xoang, viêm thận (những ca viêm thận cấp tính (không phải là đợt cấp của viêm thận mãn) cần điều trị y tế khẩn cấp không được coi là bệnh đặc biệt), các bệnh liên quan đến hệ thống tạo máu.